



Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG  
NGHIỆP - CTCP  
Email: info@becamex.com.vn  
Ngày ký: 25.01.2022 14:26:07+07:00

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP -  
CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG  
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Trụ sở chính: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Người công bố thông tin gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật.
2. Ông Phạm Ngọc Thuận - Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật.

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ  24h  72h  theo yêu cầu  khác

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý IV năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 28/01/2022 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục **Dành cho cổ đông - công bố thông tin**.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Quý IV năm 2021

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

**Người công bố thông tin**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM NGỌC THUẬN**



22010422

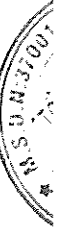
**Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP**

**\*\*\*\*\***

# **BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TỔNG HỢP**

**QUÍ IV NĂM 2021**

**Kính gửi:**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9 - 43
6. Phụ lục	44 - 47

\*\*\*\*\*

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.138.376.278.000</b>	<b>27.103.178.807.934</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>2.703.400.108.778</b>	<b>1.305.611.857.841</b>
1. Tiền	111		203.400.065.636	105.611.814.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.043.142	1.200.000.043.142
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	15.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.694.273.631.946</b>	<b>5.395.811.563.850</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	3.818.121.859.239	3.401.596.892.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	299.528.400.066	428.690.789.097
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	5.500.000.000	5.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.571.123.372.641	1.560.023.882.283
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19.662.096.465.317</b>	<b>20.380.345.318.992</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	19.662.096.465.317	20.380.345.318.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.606.071.959</b>	<b>21.410.067.251</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	13.750.945.041	19.471.782.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	49.855.126.918	1.938.284.501
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.492.092.092.681</b>	<b>11.785.225.374.288</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>359.719.800.000</b>	<b>401.977.797.831</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	359.719.800.000	401.977.797.831
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>692.229.038.545</b>	<b>781.381.556.469</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	642.352.276.750	743.689.097.536
- Nguyên giá	222		1.436.466.116.933	1.476.107.432.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(794.113.840.183)	(732.418.335.306)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	49.876.761.795	37.692.458.933
- Nguyên giá	228		78.894.805.196	56.841.037.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.018.043.401)	(19.148.578.263)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.11	<b>483.482.890.436</b>	<b>500.319.495.392</b>
- Nguyên giá	231		575.065.358.223	575.065.358.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(91.582.467.787)	(74.745.862.831)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.948.525.738</b>	<b>21.185.508.859</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	23.948.525.738	21.185.508.859
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.721.836.728.758</b>	<b>9.840.655.869.429</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	909.380.573.740	1.687.218.195.340
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	9.334.823.816.268	7.926.946.264.668
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	592.369.220.800	217.369.220.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(114.736.882.050)	(2.797.811.379)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a		11.920.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>210.875.109.204</b>	<b>239.705.146.308</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	210.875.109.204	239.705.146.308
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.630.468.370.681</b>	<b>38.888.404.182.222</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.045.613.925.740</b>	<b>27.266.337.127.411</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.206.045.685.677</b>	<b>19.659.729.951.868</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	441.189.600.255	415.862.966.897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.167.611.802.239	2.599.999.829.984
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	366.845.881.867	2.757.892.078.344
4. Phải trả người lao động	314	V.16	25.923.204.451	25.380.252.933
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	7.767.864.301.259	7.386.779.625.146
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	5.996.467.436	3.261.182.787
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	912.680.204.166	1.484.439.299.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.125.982.011.225	4.710.023.860.570
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	391.952.212.779	276.090.855.344
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.839.568.240.063</b>	<b>7.606.607.175.543</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	16.304.996.478	16.304.996.478
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	186.403.965.663	93.901.247.468
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	5.553.620.520	5.856.760.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	11.492.791.834.957	7.352.030.349.152
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	138.513.822.445	138.513.822.445

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

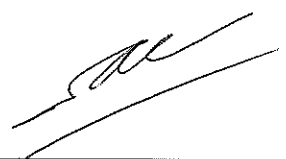
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.584.854.444.941</b>	<b>11.622.067.054.811</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>12.584.854.444.941</b>	<b>11.622.067.054.811</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23b	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.350.000.000.000	10.350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.003.481.454.212	770.038.865.253
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.231.372.990.729	502.028.189.558
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		97.488.910.599	502.028.189.558
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.133.884.080.130	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.630.468.370.681</b>	<b>38.888.404.182.222</b>

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022



  
 Nguyễn Phước Đại  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thanh Nhân  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Ngọc Thuận  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.058.903.114.965	1.283.701.172.950	6.271.719.263.901	3.103.898.415.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	210.489.411	5.177.553.092	108.759.503.049	48.968.617.530
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.058.692.625.554	1.278.523.619.858	6.162.959.760.852	3.054.929.798.272
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.551.976.991.474	539.811.726.759	3.209.880.564.721	1.327.005.582.101
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.506.715.634.080	738.711.893.099	2.953.079.196.131	1.727.924.216.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	19.877.237.501	148.826.364.592	392.420.239.377	370.422.151.219
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	400.348.922.804	45.583.162.307	760.862.658.962	308.841.651.334
Trong đó: chi phí lãi vay	23		288.396.545.083	88.547.044.180	648.892.862.201	351.773.123.207
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	143.806.813.540	173.002.052.421	547.804.575.017	574.592.537.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	195.004.459.809	294.796.322.493	321.658.856.477	363.689.380.280
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		787.432.675.428	374.156.720.470	1.715.173.345.052	851.222.798.055
11. Thu nhập khác	31	VI.8	57.543.864.138	49.753.533.335	66.478.875.225	56.716.330.538
12. Chi phí khác	32	VI.9	259.243.872.129	2.863.362.584	448.351.009.685	6.241.155.665
13. Lợi nhuận khác	40		(201.700.007.991)	46.890.170.751	(381.872.134.460)	50.475.174.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		585.732.667.437	421.046.891.221	1.333.301.210.592	901.697.972.928
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		101.904.434.145	57.652.925.610	199.417.130.462	123.556.009.730
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		483.828.233.292	363.393.965.611	1.133.884.080.130	778.141.963.198

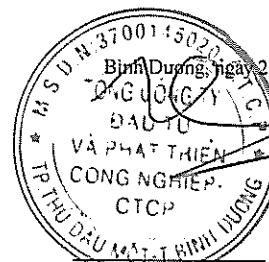
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4/2021 tăng 33,14% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng tương ứng 139,24% dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế tăng so với quý 4/2020.



Nguyễn Phước Đại  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân  
 Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận  
 Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
			-	-
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.333.301.210.592</b>	<b>901.697.972.928</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		136.892.016.570	138.872.784.954
- Các khoản dự phòng	03		111.939.070.671	(42.963.881.873)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(285.291.129.649)	(368.869.488.090)
- Chi phí lãi vay	06		648.892.862.201	351.773.123.207
- Các khoản điều chỉnh khác	07			53.513.822.445
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.945.734.030.385</b>	<b>1.034.024.333.571</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(250.211.103.079)	1.841.302.567.532
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.281.758.850.802	(2.385.358.216.205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.097.826.662.243)	2.235.584.439.960
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		34.550.874.813	28.631.877.034
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.333.494.488.459)	(1.197.209.366.522)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(338.996.783.690)	(132.476.462.316)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.011.310.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.670.018.334)	(24.745.277.695)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>230.856.010.195</b>	<b>1.399.753.895.359</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40.643.344.130)	(75.384.609.353)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.809.960.943	137.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.920.000.000	44.590.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.005.039.930.000)	(1.141.116.350.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27		385.488.987.690	1.462.799.859.270
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(658.464.325.497)</b>	<b>291.026.172.644</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	8.892.580.974.013	6.187.138.078.163
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.240.295.330.344)	(6.313.756.679.663)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(826.875.770.380)	(414.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.825.409.873.289</i>	<i>(540.618.601.500)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.397.801.557.987	1.150.161.466.503
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	1.305.611.857.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.307.050)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	<u>2.703.400.108.778</u>
			<u>1.305.611.857.841</u>

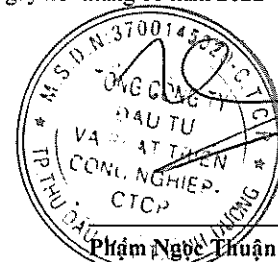
Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Nguyễn Phước Đại  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân  
 Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận  
 Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mù cao su.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng. Đối với hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh tùy thuộc theo từng phương án đầu tư.

#### 5. Cấu trúc Tổng Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	C1-2-3 Đường DT6, Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và đô thị, kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, Phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương(*)	Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, Khu Công nghiệp. Kinh doanh bất động sản	44,42%	44,42%	51,82%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Khám chữa bệnh	65,47%	65,47%	65,47%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Giáo dục	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần	Đại lộ Bình Dương, Khu	Khám và chữa bệnh	85,00%	85,00%	85,00%

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Gò Cát, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex (**)	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện,...	35,21%	35,21%	58,00%
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex (**)	Áp Mương Đào, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép,...	49,17%	49,17%	81,00%
Công ty TNHH MTV Aspire (***)	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	100%

(\*) Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương đã thực hiện việc tái cơ cấu vốn bằng việc phát hành tăng vốn cho các cổ đông không kiểm soát làm giảm tỉ lệ đầu tư của Tổng Công ty vào trong Công ty này từ 51,82% xuống còn 44,42%. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các hoạt động trong Công ty này nên Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương vẫn được hợp nhất dưới dạng Công ty con.

(\*\*) Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

(\*\*\*) Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.

**Các Công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	49,76%	49,76%	49,76%
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam–Singapore	Số 8, Đại lộ Hữu Nghị, VSIP, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Khu Công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, Đường số 1 Khu Công nghiệp VSIP II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái Tổ, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Tầng 17 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	Quốc lộ 13 Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT750, Xã Cây Trùng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mù cao su	46,94%	46,94%	46,94%
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Số 35, Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore	Tầng 19, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Số 337 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Kinh doanh bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%

### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa	Khu Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Ban quản lý phát triển Khu liên hợp Công nghiệp- Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái để chuyển giao cho công ty cổ phần.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Đánh giá lại*

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (số lỗ phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ, dụng cụ*

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### *Giá trị thương hiệu*

Giá trị thương hiệu của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị thương hiệu này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### *Giá trị lợi thế kinh doanh*

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

## 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tổng Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tổng Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### 16. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

#### 17. Vốn góp của các cổ đông

Vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### 19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chủ phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu bán bất động sản*

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 20. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **21. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.
- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

#### **22. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **23. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi số của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.286.558.245	2.793.972.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	201.113.507.391	102.817.842.656
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	2.500.000.043.142	1.200.000.043.142
<b>Cộng</b>	<b><u>2.703.400.108.778</u></b>	<b><u>1.305.611.857.841</u></b>



## TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
<i>Dài hạn</i>				
Trái phiếu	-	-	11.920.000.000	11.920.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>11.920.000.000</b>	<b>11.920.000.000</b>

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	909.380.573.740	-	1.687.218.195.340	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương <sup>(i)</sup>	424.903.500.000	-	777.837.621.600	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex <sup>(ii)</sup>	170.000.000.000	-	424.903.500.000	-
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước <sup>(iii)</sup>	121.630.314.367	-	170.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương <sup>(iv)</sup>	111.940.257.600	-	121.630.314.367	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị <sup>(v)</sup>	50.490.000.000	-	111.940.257.600	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông <sup>(vi)</sup>	30.416.501.773	-	50.490.000.000	-
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>				
Công ty TNHH Becamex Tokyu <sup>(vii)</sup>	9.334.823.816.268 (114.736.882.050)	-	30.416.501.773	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW <sup>(viii)</sup>	2.932.020.037.837	-	9.334.823.816.268 (114.736.882.050)	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore <sup>(ix)</sup>	3.448.135.370.000 (102.761.551.228)	-	2.932.020.037.837	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật <sup>(x)</sup>	1.295.442.007.510	-	3.448.135.370.000 (102.761.551.228)	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương <sup>(xi)</sup>	777.837.621.600	-	1.295.442.007.510	-
Công ty Cổ phần Setia – Becamex <sup>(xii)</sup>	-	-	777.837.621.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước <sup>(xiii)</sup>	178.151.496.663	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông <sup>(xiv)</sup>	240.000.000.000	-	178.151.496.663	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam <sup>(xv)</sup>	160.000.000.000	-	240.000.000.000	-
	101.305.497.883	-	160.000.000.000	-
	88.558.227.697	-	101.305.497.883	-
		-	88.558.227.697	-

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Cao su Bình Dương <sup>(xvii)</sup>	84.500.000.000		84.500.000.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi <sup>(xviii)</sup>	55.873.557.078	-	55.873.557.078	-
Công ty CP Becamex Bình Định <sup>(xviii)</sup>	40.000.000.000		40.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn <sup>(xix)</sup>	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore <sup>(xx)</sup>	63.000.000.000	(11.975.330.822)	12.600.000.000	(2.797.811.379)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>592.369.220.800</b>	<b>-</b>	<b>217.369.220.800</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore <sup>(xxi)</sup>	217.369.220.800	-	217.369.220.800	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương <sup>(xi)</sup>	375.000.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>10.836.573.610.808</b>	<b>(114.736.882.050)</b>	<b>9.831.533.680.808</b>	<b>(2.797.811.379)</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 20 ngày 12 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 424.903.500.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702291330 thay đổi lần thứ 01 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex 170.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 06 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 121.630.314.367 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 44,42% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 111.940.257.600 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 06 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 50.490.000.000 VND.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 30.416.501.773 VND.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 2.932.020.037.837 VND.

## **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (viii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW 844.639.930.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 3.448.135.370.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.603.495.440.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 463023000267 thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 461.013.591.047 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 1.295.442.007.510 VND.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 108.033.003 cổ phiếu, tương đương 49,76% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 777.837.621.600 VND.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương 375.000.000.000 VND, tương đương 19,44% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 06 ngày 14 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 178.151.496.663 VND.
- (xiii) Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước 240.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 160.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ).
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701972175 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 101.305.497.883 VND.
- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497 thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 117.116.380.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 88.558.227.697 VND.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 05 ngày 07 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 46,94% vốn điều lệ.
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303923529 thay đổi lần thứ 09 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi 5.629.900 cổ phiếu, tương đương 35,19% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 55.873.557.078 VND.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101505893 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định 40.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xix) Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- (xx) Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore 63.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.600.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ).

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

(xxi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000080 thay đổi gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 217.369.220.800 VND.

### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.797.811.379	46.248.451.929
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	111.939.070.671	(43.450.640.550)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>114.736.882.050</b>	<b>2.797.811.379</b>

### *Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.340.000.000	
Lãi chậm trả cổ tức		9.150.508.364
Cổ tức được chia		54.016.501.500
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải trả		938.686.643.721
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ		785.000.000
Chi phí các dịch vụ khác		219.000.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị</b>		
Cung cấp điện	21.205.800	24.348.600
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	195.243.268.806	
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất		2.660.880
Tiền điện, cho thuê mặt bằng	243.167.636	204.020.364
Lãi chậm trả cổ tức	1.318.549.750	4.268.242.795
Cổ tức được chia		60.700.500.000
Chi phí dịch vụ thi công công trình	114.784.418.608	65.161.220.108
Lãi phạt chậm thanh toán	49.305.870.500	
Mua vật tư cho các công trình	2.782.236.577	2.944.863.228
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ		860.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</b>		
Phí quản lý, tiền điện, xử lý nước thải	38.264.665	58.371.837
Chuyển giao phần mềm		2.272.727.273
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ		220.622.000

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Phí quản lý, tiền điện, xử lý nước thải	164.393.822	198.980.022
Chi phí các dịch vụ khác	7.592.002	253.813.950
Cổ tức được chia		10.474.720.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hệ		172.200.000
Hỗ trợ cơ sở y tế phòng chống dịch Covid 19	25.235.777.622	
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Chi phí tài trợ học bổng	727.592.000	542.637.000
<i>Bệnh viện đa khoa quốc tế Becamex</i>		
Chi phí khám chữa bệnh, dịch vụ y tế		120.782.690
Cho thuê công trình và trang thiết bị	6.000.000.000	6.000.000.000
Hỗ trợ cơ sở y tế phòng chống dịch Covid 19	30.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi</i>		
Cổ tức được chia	8.444.850.000	8.444.850.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hệ	150.000.000	150.000.000
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ &amp; Truyền thông Việt Nam</i>		
Tiền thuê đất và phí quản lý	14.863.017	6.762.194
Mua thiết bị, thi công công trình	6.300.315.880	11.109.528.200
Nhận cung cấp dịch vụ cước, bảo trì	6.154.597.264	485.236.113
Tiền lãi vay	1.681.166.667	
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Tiền điện	1.980.000	3.897.000
Chi phí các dịch vụ khác	1.254.545.455	357.079.000
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.639.827.470.995	
Phí quản lý	4.387.960.046	1.786.833.840
Góp vốn	844.639.930.000	1.128.516.350.000
Chi phí khác	5.452.671	39.573.840
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước</i>		
Chi phí dịch vụ thi công công trình		58.501.823.000
Chi phí hoạt động		4.068.773.064
<i>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</i>		
Chuyển giao phần mềm		2.272.727.273
Chi phí dịch vụ dự án		1.403.509.817
Tiền lãi vay	14.424.666.667	
<i>Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương</i>		
Lãi chậm trả cổ tức	128.486.944	
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.627.997.400.456</i>	<i>2.218.589.385.723</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	800.499.741.127	930.160.089.473
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	225.468.034.500	430.439.130.504
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	351.931.081.834	721.767.329.607
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	177.093.481.120	21.169.696.955
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	9.550.200.000	8.965.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	10.800.961.980	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	2.989.835.552	2.987.462.427
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	40.310.008.200	8.957.779.600
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.416.003.340	1.416.003.340
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	4.655.000.000	2.458.368
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	102.006.703	116.130.820
Công ty TNHH xe buýt Becamex Tokyu	3.181.046.100	
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		90.108.304.629
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>2.190.124.458.783</i>	<i>1.183.007.506.747</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	441.806.194.000	670.970.219.000
Các khách hàng khác	1.748.318.264.783	512.037.287.747
<b>Cộng</b>	<b><u>3.818.121.859.239</u></b>	<b><u>3.401.596.892.470</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Phải thu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Bên liên quan.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>213.169.077.929</i>	<i>375.112.277.240</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	213.169.077.929	375.112.277.240
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>86.359.322.137</i>	<i>53.578.511.857</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>299.528.400.066</u></b>	<b><u>428.690.789.097</u></b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 7%/năm.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.278.470.768.174</i>	<i>-</i>	<i>1.248.395.982.850</i>	<i>-</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	794.858.813.984	-	738.718.033.984	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt nam -Singapore	728.243.313.984	-	728.243.313.984	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	-	-	10.474.720.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	60.700.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	5.915.000.000	-	-	-

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn – Phải thu góp vốn đầu tư dự án	60.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm thanh toán	2.020.820.813	-	31.776.079.874	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức	200.000.000.000	-	257.336.457.361	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu tiền đã thu hộ từ khách hàng	48.772.324.150	-	48.772.324.150	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước - Lãi chậm trả cổ tức	118.923.084	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương- Lãi chậm trả cổ tức	385.460.833	-	-	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	521.337.829	-	-	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Phải thu chi phí hoạt động	171.793.087.481	-	171.793.087.481	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>292.652.604.467</b>	<b>-</b>	<b>311.627.899.433</b>	<b>-</b>
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	5.338.027.397	-	126.650.301	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	238.568.655.219	-	247.937.199.146	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	24.687.825.552	-	25.914.080.610	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.784.735.959	-	2.121.070.684	-
Tạm ứng chi phí công tác	8.782.959.932	-	23.329.632.663	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	268.000.000	-	268.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.222.400.408	-	11.931.266.029	-
<b>Cộng</b>	<b>1.571.123.372.641</b>	<b>-</b>	<b>1.560.023.882.283</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.932.196.654	-	20.069.131.761	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	121.100.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	17.583.085.017.054	-	18.315.075.835.622	-
Thành phẩm	86.019.230	-	86.019.230	-
Hàng hóa	2.044.993.232.379	-	2.044.993.232.379	-
<b>Cộng</b>	<b>19.662.096.465.317</b>	<b>-</b>	<b>20.380.345.318.992</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án.

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.321.271.588	3.438.795.537
Chi phí đồng phục nhân viên	4.110.000.000	3.912.000.000
Chi phí tư vấn	1.640.483.331	2.810.125.000
Chi phí quảng cáo		2.903.030.301
Chi phí môi giới nhà ở		2.948.000.000
Chi phí phần mềm	4.065.108.375	44.266.664
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.614.081.747	3.415.565.248
<b>Cộng</b>	<b><u>13.750.945.041</u></b>	<b><u>19.471.782.750</u></b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị thương hiệu	9.217.962.981	10.733.244.561
Giá trị lợi thế kinh doanh	193.681.408.007	225.519.447.683
Các chi phí trả trước dài hạn khác	7.975.738.216	3.452.454.064
<b>Cộng</b>	<b><u>210.875.109.204</u></b>	<b><u>239.705.146.308</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết về Tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	30.620.058.000	25.805.615.066	415.364.130	56.841.037.196
Mua trong kỳ	-	22.053.768.000	-	22.053.768.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>30.620.058.000</u></b>	<b><u>47.859.383.066</u></b>	<b><u>415.364.130</u></b>	<b><u>78.894.805.196</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10.794.100.839	415.364.130	11.209.464.969
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	3.972.772.140	14.760.441.993	415.364.130	19.148.578.263
Khấu hao trong kỳ	791.503.536	9.077.961.602	-	9.869.465.138
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.764.275.676</u></b>	<b><u>23.838.403.595</u></b>	<b><u>415.364.130</u></b>	<b><u>29.018.043.401</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	26.647.285.860	11.045.173.073	-	37.692.458.933
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>25.855.782.324</u></b>	<b><u>24.020.979.471</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>49.876.761.795</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**11. Bất động sản đầu tư**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	575.065.358.223	74.745.862.831	500.319.495.392
Khấu hao trong kỳ		16.836.604.956	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>575.065.358.223</u></b>	<b><u>91.582.467.787</u></b>	<b><u>483.482.890.436</u></b>

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tòa nhà Becamex Tower	250.260.603.705	31.782.438.111	218.478.165.594
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	32.259.268.184	152.079.407.036
Nhà ở xã hội	120.070.248.170	21.598.862.911	98.471.385.259
Bất động sản đầu tư khác	20.395.831.128	5.941.898.581	14.453.932.547
<b>Cộng</b>	<b>575.065.358.223</b>	<b>91.582.467.787</b>	<b>483.482.890.436</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	17.080.100.859	2.763.016.879	19.843.117.738
Xây dựng cơ bản dở dang	4.105.408.000	-	4.105.408.000
<b>Cộng</b>	<b>21.185.508.859</b>	<b>2.763.016.879</b>	<b>23.948.525.738</b>

**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>113.456.462.841</i>	<i>77.328.431.627</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	75.110.812.778	23.581.337.778
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	12.387.671.302	12.146.115.471
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	14.084.151.245	20.710.668.426
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	5.312.259.294	9.344.308.245
Công ty TNHH Xe Buýt Becamex Tokyu	3.180.000.000	4.429.974.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư XD Việt	2.412.434.177	2.412.434.177
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	835.325.045	3.907.142.580
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	133.809.000	542.637.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		253.813.950
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>327.733.137.414</i>	<i>338.534.535.270</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Ricons	46.367.480.093	117.971.892.595
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	82.312.033.339	66.074.059.995
Các nhà cung cấp khác	199.053.623.982	154.488.582.680
<b>Cộng</b>	<b>441.189.600.255</b>	<b>415.862.966.897</b>

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Bên liên quan.

**13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>138.528.833.243</i>	<i>88.528.833.243</i>
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	138.528.833.243	88.528.833.243
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>3.029.082.968.996</i>	<i>2.511.470.996.741</i>
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển DDK Việt nam		67.580.966.063
Các khách hàng khác	3.029.082.968.996	2.443.890.030.678
<b>Cộng</b>	<b>3.167.611.802.239</b>	<b>2.599.999.829.984</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mù cao su thô, đèn bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong Khu Chế xuất	0%
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	05%
- Các hoạt động khác	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 05% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m<sup>2</sup> và có giá bán dưới 15 triệu VND/m<sup>2</sup>.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	585.732.667.437	421.046.891.221
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	199.863.636	854.308.322
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	585.932.531.073	421.901.199.543
Thu nhập được miễn thuế	(76.410.360.347)	(133.636.571.500)
Thu nhập tính thuế	509.522.170.726	288.264.628.043
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>101.904.434.145</b>	<b>57.652.925.610</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>101.904.434.145</b>	<b>57.652.925.610</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản*

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

#### *Thuế tài nguyên*

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Phải trả người lao động**

Tiền lương phải trả người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	145.775.666.379	147.298.031.132
Trích trước giá vốn các dự án	7.562.776.928.071	7.089.910.811.921
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	59.311.706.809	149.570.782.093
<b>Cộng</b>	<b><u>7.767.864.301.259</u></b>	<b><u>7.386.779.625.146</u></b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

Tiền thuê đất nhận trước tại các Khu Công nghiệp.

**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>768.886.706.792</b>	<b>1.332.561.592.654</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	486.280.085.716	476.076.309.407
Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	472.430.287.054
Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	13.849.798.662	3.646.022.353
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định – Tiền ứng đầu tư dự án		460.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Becamex- Tiền ứng đầu tư dự án	159.400.000.000	185.800.000.000
Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam Singapore - Tiền ứng đầu tư dự án	123.206.621.076	123.206.621.076
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam- Tiền ứng đầu tư dự án		50.000.000.000
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông		13.478.662.171
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông - Tiền cho mượn		24.000.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>41.490.060.602</b>	<b>151.877.707.209</b>
Kinh phí công đoàn	8.148.632.298	5.437.166.939
Bảo hiểm thất nghiệp	730.212.386	490.585.742
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.796.020.000	5.390.860.000
Thù lao chi hộ thành viên HĐQT của các công ty con	5.625.868.440	4.020.693.854
Quỹ lương trả cho người lao động	102.303.436.772	114.197.159.118
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.189.327.478	22.341.241.556
<b>Cộng</b>	<b><u>912.680.204.166</u></b>	<b><u>1.484.439.299.863</u></b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>857.840.000</b>	<b>877.840.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương- Nhận ký quỹ dài hạn	312.840.000	312.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Nhận ký quỹ dài hạn	210.100.000	230.100.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương- Nhận ký quỹ dài hạn	184.900.000	184.900.000
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương –	100.000.000	100.000.000

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ dài hạn		
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam- Nhận ký quỹ dài hạn	50.000.000	50.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.695.780.520</i>	<i>4.978.920.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.553.620.520</b>	<b>5.856.760.000</b>

**19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>1.627.201.631.692</i>	<i>3.317.131.012.181</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	1.612.631.631.692	3.317.131.012.181
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	14.570.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn cá nhân khác</i>	<i>144.659.001.000</i>	<i>84.117.001.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>327.349.635.144</i>	<i>384.029.999.997</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	255.349.635.144	19.999.999.997
Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh		246.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai		47.880.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương	12.000.000.000	10.000.000.000
<i>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.026.771.743.389</i>	<i>924.745.847.392</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	335.434.189.040	335.356.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		148.967.671.233
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam	35.833.446.575	101.113.775.343
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	99.712.328.767	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hồ Chí Minh	99.568.622.152	98.824.978.250
Ngân hàng TMCP Bảo Việt		74.483.835.616
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	59.741.173.292	59.294.986.950
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	35.695.364.384	35.568.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm ngân hàng Công thương Việt Nam	19.956.931.507	19.880.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	19.913.863.014	19.760.000.000
Vietnam Debt Fund SPC	19.870.794.521	19.640.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng ĐT và PT VN	49.856.164.384	
Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư MB	139.597.260.274	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	11.879.276.712	11.856.000.000
Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	99.712.328.767	
<b>Cộng</b>	<b>3.125.982.011.225</b>	<b>4.710.023.860.570</b>

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>1 737 710 849 020</i>	<i>2.252.357.460.009</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	1.404.423.004.293	1.787.447.460.009
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai		230.510.000.000
Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	268.287.844.727	109.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	65.000.000.000	125.000.000.000
<i>Vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương</i>	<i>33.000.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu thường dài hạn</i>	<i>9.722.080.985.937</i>	<i>5.054.672.889.143</i>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
- Mệnh giá trái phiếu		36.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(304.635.616)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu		36.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(166.553.425)
Ngân hàng TMCP Bán Việt		
- Mệnh giá trái phiếu		20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(86.136.986)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu		20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(43.068.493)
Vietnam Debt Fund SPC		
- Mệnh giá trái phiếu		20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(129.205.479)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu		12.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(120.723.288)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu		40.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(402.410.960)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		
- Mệnh giá trái phiếu		60.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(258.826.708)
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
- Mệnh giá trái phiếu		100.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(431.377.848)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	900.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.155.772.054)	(9.319.172.054)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	1.200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(13.186.849.314)	(16.786.849.314)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Mệnh giá trái phiếu	180.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.197.808.220)	(2.797.808.220)
Ngân hàng liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP .HCM		
- Mệnh giá trái phiếu	360.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.395.616.438)	(5.595.616.438)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	180.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.197.808.220)	(2.797.808.220)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
- Mệnh giá trái phiếu		140.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(1.242.739.726)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank		
- Mệnh giá trái phiếu	535.000.000.000	535.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(10.564.417.809)	(13.062.916.667)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	165.000.000.000	165.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.258.184.932)	(4.028.750.000)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	800.000.000.000	800.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(15.797.260.274)	(19.533.333.333)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện		
- Mệnh giá trái phiếu		100.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(887.671.233)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
- Mệnh giá trái phiếu		100.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(887.671.233)
Tổng Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu		50.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(443.835.616)
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch		
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(6.341.095.890)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest		
- Mệnh giá trái phiếu	1.070.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(22.616.575.342)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank		
- Mệnh giá trái phiếu	40.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(845.479.452)	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	140.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.959.178.082)	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	450.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(9.511.643.836)	

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	560.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.105.351.599)	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.640.182.648)	
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank		
- Mệnh giá trái phiếu	70.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.148.127.854)	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(820.091.324)	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(820.091.324)	
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(820.091.324)	
DAMC FUNDS		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.640.182.648)	
Công ty Cổ phần chứng khoán NAVIBANK		
- Mệnh giá trái phiếu	1.950.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(45.865.068.493)	
Công ty TNHH Bảo hiểm HANWHA LIFE Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.352.054.795)	
Quỹ Đầu tư cơ hội PVI		
- Mệnh giá trái phiếu	250.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.880.136.986)	
Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.704.109.589)	
Các cá nhân khác		
- Mệnh giá trái phiếu	520.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(6.095.835.616)	
<b>Cộng</b>	<b><u>11.492.791.834.957</u></b>	<b><u>7.352.030.349.152</u></b>

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tổng nợ</u>		
	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.053.060.484.164	315.349.637.144	1.354.686.393.303	383.024.453.717
Vay dài hạn các tổ chức khác	45.000.000.000	12.000.000.000	33.000.000.000	
Trái phiếu thường	10.748.852.729.326	1.026.771.743.389	9.722.080.985.937	
<b>Cộng</b>	<b>12.846.913.213.490</b>	<b>1.354.121.380.533</b>	<b>11.109.767.379.240</b>	<b>383.024.453.717</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	2.626.387.460.006	374.029.999.997	1.447.318.548.576	805.038.911.433
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.000.000.000	10.000.000.000	45.000.000.000	
Trái phiếu thường	5.979.418.736.535	924.745.847.392	5.054.672.889.143	-
<b>Cộng</b>	<b>8.660.806.196.541</b>	<b>1.308.775.847.389</b>	<b>6.546.991.437.719</b>	<b>805.038.911.433</b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	275.972.810.844	131.800.150.000	(16.098.738.065)	391.674.222.779
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	118.044.500	1.606.530.000	(1.446.584.500)	277.990.000
<b>Cộng</b>	<b>276.090.855.344</b>	<b>133.406.680.000</b>	<b>(17.545.322.565)</b>	<b>391.952.212.779</b>

**22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Chi tiết phát sinh của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	138.513.822.445	85.000.000.000
Tăng do trích lập trong kỳ	-	90.000.000.000
Số đã sử dụng	-	(36.486.177.555)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>138.513.822.445</b>	<b>138.513.822.445</b>

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp nhà nước	9.878.048.000.000	9.878.048.000.000
Các cổ đông khác	471.952.000.000	471.952.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.350.000.000.000</b>	<b>10.350.000.000.000</b>

**23c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 25.093.87 USD (Số đầu năm là 26.212,93 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.943.329.201.837	1.102.984.297.479
Doanh thu xây dựng	-	60.151.690.739
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.694.455.791	75.557.132.933
Doanh thu khác	47.879.457.337	45.008.051.799
<b>Cộng</b>	<b><u>3.058.903.114.965</u></b>	<b><u>1.283.701.172.950</u></b>

*1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i>		
Cho thuê mặt bằng	3.594.000.000	3.075.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</i>		
Cho thuê mặt bằng	12.215.154.000	
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex</i>		
Phí quản lý	13.277.555	40.593.002
<i>Công ty Liên doanh TNHH SinViet</i>		
Tiền thuê đất, phí quản lý	3.043.116	4 650 806

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hàng bán bị trả lại		3.348.476.188
Giảm giá hàng bán	210.489.411	1.829.076.904
<b>Cộng</b>	<b><u>210.489.411</u></b>	<b><u>5.177.553.092</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.500.369.093.664	425.103.723.163

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn xây dựng	-	60.151.690.739
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.762.221.059	19.504.527.269
Giá vốn hoạt động khác	27.845.676.751	35.051.785.588
<b>Cộng</b>	<b>1.551.976.991.474</b>	<b>539.811.726.759</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.985.350.806	1.750.465.768
Lãi cổ tức chậm trả	1.447.036.695	13.418.751.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.444.850.000	133.636.571.500
Doanh thu tài chính khác	-	20.576.165
<b>Cộng</b>	<b>19.877.237.501</b>	<b>148.826.364.592</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	286.886.237.817	80.636.324.561
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.510.307.266	7.910.719.619
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	111.939.070.671	3.284.570.056
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(46.248.451.929)
Chênh lệch tỷ giá	13.307.050	
<b>Cộng</b>	<b>400.348.922.804</b>	<b>45.583.162.307</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	49.120.635.182	42.070.485.448
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	857.908.366	932.733.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.741.152.990	21.772.112.647
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	27.466.527.841	34.737.154.904
Chi phí điện, nước, viễn thông	12.432.763.921	15.979.209.503
Các chi phí khác	34.187.825.240	57.510.355.994
<b>Cộng</b>	<b>143.806.813.540</b>	<b>173.002.052.421</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.245.379.801	23.001.924.512
Chi phí vật liệu quản lý	973.703.909	890.905.355
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.437.000	4.162.798.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.391.068.445	4.230.814.434
Thuế, phí và lệ phí	11.416.254.282	11.667.490.118
Tiền ăn, phụ cấp	4.583.369.680	4.287.093.150
Chi phí giao tế, tiếp khách	1.738.295.695	5.681.895.550
Các chi phí khác	140.292.950.997	240.873.401.034
<b>Cộng</b>	<b>195.004.459.809</b>	<b>294.796.322.493</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Thu thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	461.665.336	2.187.822.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	24.935.736	28.181.818
Thu lãi phạt chậm nộp	56.955.377.886	46.776.893.289
Thu nhập khác	101.885.180	760.636.228
<b>Cộng</b>	<b>57.543.864.138</b>	<b>49.753.533.335</b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vi phạm hành chính	66.000.000	-
Chi phí ủng hộ phòng chống dịch Covid	254.214.531.889	-
Thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	461.665.336	2.583.274.800
Lãi phạt chậm nộp	-	130.261.386
Chi bồi thường	3.760.000.000	-
Chi phí khác	741.674.904	149.826.398
<b>Cộng</b>	<b>259.243.872.129</b>	<b>2.863.362.584</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.354.979.626	60.407.800.218
Chi phí nhân công	236.889.801.460	91.767.903.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.925.763.382	32.232.983.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.646.266.635	1.823.909.435.590
Chi phí khác	40.546.278.291	320.432.755.905
<b>Cộng</b>	<b>902.363.089.394</b>	<b>2.328.750.878.616</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và thưởng với tổng giá trị trong kỳ là 5.289.837.400 VND (kỳ trước là 5.594.093.600 VND).

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Aspire	Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex

Kỳ này

Kỳ trước

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTC

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

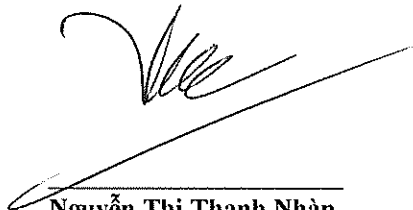
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

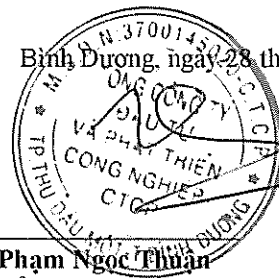
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Nhận cung cấp dịch vụ	1.946.434.385	3.306.668.624
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</i>		
Mua vé máy bay	464.079.072	
Nhận cung cấp dịch vụ quản lý		304.042.730
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex</i>		
Mua gạch		5.551.000



Nguyễn Phước Đại  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân  
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

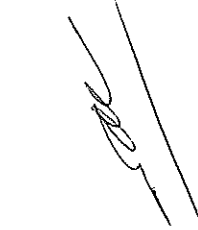
**Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	391.398.614.229	414.747.145.541	597.790.722.187	72.170.950.885	1.476.107.432.842
Mua trong kỳ		702.500.000	1.961.433.091	9.067.015.272	11.730.948.363
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
Kết chuyển từ hàng tồn kho					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>391.398.614.229</b>	<b>415.449.645.541</b>	<b>(51.372.264.272)</b>	<b>81.237.966.157</b>	<b>(51.372.264.272)</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.248.079.999	36.844.930.511	60.961.508.392	32.977.043.203	140.031.562.105
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	161.092.660.286	87.414.910.238	437.599.532.991	46.311.231.791	732.418.335.306
Khấu hao trong kỳ	23.126.923.241	29.127.279.539	48.002.899.768	9.928.843.928	110.185.946.476
Khấu hao do định giá lại					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác (ghi cụ thể)					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>184.219.583.527</b>	<b>116.542.189.777</b>	<b>437.111.991.160</b>	<b>56.240.075.719</b>	<b>794.113.840.183</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	230.305.953.943	327.332.235.303	160.191.189.196	25.859.719.094	743.689.097.536
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>207.179.030.702</b>	<b>298.907.455.764</b>	<b>111.267.899.846</b>	<b>24.997.890.438</b>	<b>642.352.276.750</b>

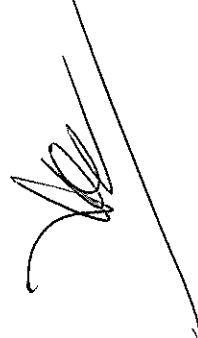
Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

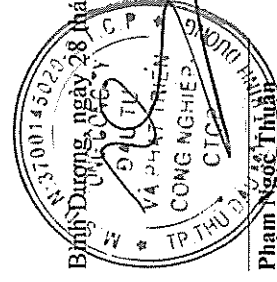
Đang chờ thanh lý



Nguyễn Phước Đại  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Nhân  
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuần  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓNG HỢP QUÍ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

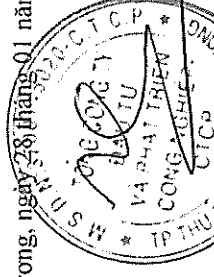
**Phụ lục 02: Chi tiết phát sinh về Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	201.334.489.270		430.556.576.086	273.730.935.320	358.160.130.036	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.889.065.869		198.190.875.404	338.996.783.690	17.676.632.068	47.916.842.417
Thuế thu nhập cá nhân	50.499.217.768		42.352.227.172	84.823.034.380	8.028.410.560	
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất	1.573.889.390.313	1.938.284.501	153.386.411.250	1.727.275.801.563		1.938.284.501
Các loại thuế khác	254.762.855		1.370.816.820	1.326.676.133	298.903.542	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	839.025.152.269		2.328.654.800	840.995.369.340	358.437.729	
<b>Cộng</b>	<b>2.757.892.078.344</b>	<b>1.938.284.501</b>	<b>828.185.561.532</b>	<b>3.267.148.600.426</b>	<b>17.676.632.068</b>	<b>49.855.126.918</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong kỳ

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Phước Đại  
Người lập  
Nguyễn Thị Thanh Nhân  
Kế toán trưởngPhạm Ngọc Thuận  
Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục 03: Chi tiết phát sinh về các khoản vay**

Đơn vị tính: VND

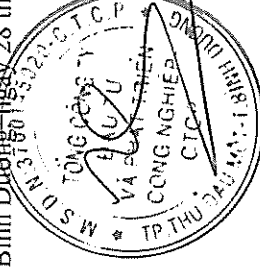
## Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ:

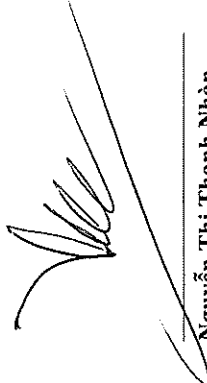
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.317.131.012.181	2.509.621.129.286			(4.199.550.509.775)	1.627.201.631.692
Vay ngắn hạn các cá nhân	84.117.001.000	114.672.000.000			(54.130.000.000)	144.659.001.000
Vay dài hạn đến hạn trả	384.029.999.997		794.934.455.716		(851.614.820.569)	327.349.635.144
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	924.745.847.392		1.226.171.743.389	10.854.152.608	(1.135.000.000.000)	1.026.771.743.389
<b>Cộng</b>	<b>4.710.023.860.570</b>	<b>2.624.293.129.286</b>	<b>2.021.106.199.105</b>	<b>10.854.152.608</b>	<b>(6.240.295.330.344)</b>	<b>3.125.982.011.225</b>

## Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Chi phí phát hành trái phiếu trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	2.252.357.460.009	268.287.844.727	(782.934.455.716)			1.737.710.849.020
Vay dài hạn các tổ chức khác	45.000.000.000		(12.000.000.000)			33.000.000.000
Trái phiếu thường	5.054.672.889.143	6.000.000.000.000	(1.226.171.743.389)	32.579.840.183	(139.000.000.000)	9.722.080.985.937
<b>Cộng</b>	<b>7.352.030.349.152</b>	<b>6.268.287.844.727</b>	<b>(2.021.106.199.105)</b>	<b>32.579.840.183</b>	<b>(139.000.000.000)</b>	<b>11.492.791.834.957</b>

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022



  
Nguyễn Thị Thanh Nhân  
Kế toán trưởng

  
Phạm Ngọc Thuận  
Tổng Giám đốc



# TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÍ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

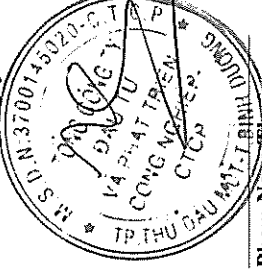
### Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	10.350.000.000.000	88.299.545.780	1.718.118.406.943	12.156.417.952.723	
Lợi nhuận trong kỳ			778.141.963.198	778.141.963.198	
Trích lập các quỹ trong kỳ		681.739.319.473	(810.134.599.473)	(128.395.280.000)	
Chia cổ tức trong kỳ			(414.000.000.000)	(414.000.000.000)	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>10.350.000.000.000</b>	<b>770.038.865.253</b>	<b>1.272.125.770.668</b>	<b>12.392.164.635.921</b>	
Số dư đầu năm	10.350.000.000.000	770.038.865.253	502.028.189.558	11.622.067.054.811	
Lợi nhuận trong kỳ			1.133.884.080.130	1.133.884.080.130	
Trích lập các quỹ trong kỳ		233.442.588.959	(366.783.118.959)	(133.340.530.000)	
Chia cổ tức trong kỳ			(37.756.160.000)	(37.756.160.000)	
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>10.350.000.000.000</b>	<b>1.003.481.454.212</b>	<b>1.231.372.990.729</b>	<b>12.584.854.444.941</b>	

Nguyễn Phước Đại  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Phạm Ngọc Hoàn  
Tổng Giám đốc